

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 229/2018/HNGĐ-ST

Ngày 06 – 11 – 2018
(V/v tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản của nam nữ, chung
sống với nhau như vợ chồng
mà không đăng ký kết hôn.)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Vượng;

Ông Võ Sĩ Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Thanh Quốc – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.*

Ngày 06 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 847/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018 về việc tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 747/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Trương Thúy P – sinh năm: 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn D – sinh năm: 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 60A1, khu đô thị H, ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/9/2018, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trương Thúy P trình bày: bà và ông Nguyễn Văn D chung sống vợ chồng từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống do không hòa hợp nên phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn khắc phục được bà yêu cầu ly hôn với ông D.

Về con chung: Có 03 người con chung tên Nguyễn Kiều T sinh ngày 15/6/1990, Nguyễn Thanh T, sinh năm 1991 và Nguyễn Hà T sinh ngày 19/9/2002. Khi ly hôn bà P yêu cầu được tiếp tục nuôi con Nguyễn Hà T sinh ngày 19/9/2002 không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà P xác định bà và ông D không có tài sản chung cũng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 22/10/2018, ông Nguyễn Văn D xác định ông và bà P chung sống vợ chồng vào năm 1990, không đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống có nhiều mâu thuẫn nay bà P yêu cầu ly hôn ông đồng ý ly hôn với bà P. Ông và bà P có 03 người con chung tên Nguyễn Kiều T sinh năm 1990, Nguyễn Thanh T, sinh năm 1991 và Nguyễn Hà T sinh năm 2002. Khi ly hôn, ông đồng ý tiếp tục giao con chung Nguyễn Hà T cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Đối với Nguyễn Kiều T và Nguyễn Thanh T đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng. Về tài sản chung ông yêu cầu tự thỏa thuận với bà P. Trong quá trình chung sống ông và bà P không có nợ chung. Ông yêu cầu tòa án tiếp hành giải quyết vụ án vắng mặt ông tại các buổi hòa giải, xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bà Trương Thúy P và ông Nguyễn Văn D chung sống từ năm 1990 không đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Bà Trương Thúy P yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn D. Quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Ông Nguyễn Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên họp hòa giải. Ông D vắng mặt và đã nộp cho Tòa án yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 22/10/2018, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn D là đúng quy định tại Điều 207 và khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Mặc dù ông Nguyễn Văn D và bà Trương Thúy P chung sống từ năm 1990, có tổ chức gả cưới theo phong tục, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Nay bà P yêu cầu ly hôn với ông D, căn cứ vào điều 9, khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân gia đình thì mối quan hệ của bà Trương Thúy P và ông Nguyễn Văn D không phải là vợ chồng.

[4] Về con chung: Ông Nguyễn Văn D và bà Trương Thúy P thống nhất có 03 người con chung tên Nguyễn Kiều T sinh ngày 15/6/1990, Nguyễn Thanh T, sinh năm 1991 và Nguyễn Hà T sinh ngày 19/9/2002. Sau khi ly hôn, bà P yêu cầu tiếp tục giao con chung Nguyễn Hà T cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, ông D thống nhất yêu cầu này của bà P. Đây là sự thỏa thuận của ông, bà phù hợp với nguyện vọng của con chung Nguyễn Hà T, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này. Đối với con chung Nguyễn Kiều T sinh ngày 15/6/1990, Nguyễn Thanh T, sinh năm 1991 đã trưởng thành không yêu cầu trách nhiệm nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn D và bà Trương Thúy P thống nhất tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung và xác định không nợ ai cũng không ai nợ lại ông, bà nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung trong vụ án này.

[6] Về án phí: Án phí dân sự về hôn nhân gia đình bà Trương Thúy P phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83; Các Điều 28, 147, 207, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận mối quan hệ của ông Nguyễn Văn D và bà Trương Thúy P là vợ chồng.

Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Hà T sinh ngày 19/9/2002 cho bà Trương Thúy P trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Ông Nguyễn Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Con chung Nguyễn Kiều T sinh ngày 15/6/1990, Nguyễn Thanh T, sinh năm 1991 đã trưởng thành không xem xét trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Án phí dân sự về hôn nhân và gia đình 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) bà Trương Thúy P phải nộp. Ngày 26/9/2018 bà Trương Thúy P đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0001411 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Trương Thúy P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND TP.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(đã ký)

Phan Thị Thu